

Số /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và UBND cấp huyện

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2015 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC;*

*Căn cứ Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương về việc công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 25/TTr-SCT ngày 06/5/2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung; TTHC bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương và UBND cấp huyện; chi tiết tại Phụ lục I, II kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Phòng Công nghiệp;
- Lưu: VT, KSTTHC (D 4) .

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,**  
**UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**A. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	
<b>I. Lưu thông hàng hóa trong nước (đã công bố tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>						
1	Cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khu vực thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Mức thu phí là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	
2	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá					
3	Cấp lại giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá					

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khu vực thành phố, thị xã thuộc tỉnh: Mức thu phí là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02 /2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
6	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> </ul>
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
11	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	- Tại thành phố và các thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. - Tại các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá; - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.
12	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Cấp giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
14	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	<p>- Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p> <p>- Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	2.200.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<p>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</p> <p>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>
15	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>II. Lĩnh vực Kinh doanh khí (đã công bố tại Quyết định số 2120/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG			- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: + Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh /lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là tổ chức, doanh nghiệp;	
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	+ Mức thu phí thẩm định là 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định đối với chủ thể kinh doanh là hộ kinh doanh. - Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>III. Lĩnh vực An toàn thực phẩm (đã công bố tại Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở;</li> <li>- Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.</li> </ul>	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi có</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường hợp đề nghị cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Không có lệ phí.</li> <li>+ Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 2.500.000 đồng.</li> <li>+ Trường hợp Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm kinh doanh; thay đổi, bổ sung mặt hàng kinh doanh và khi giấy chứng nhận hết hiệu lực:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ.</li> </ul>



STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		<p>kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “Đạt”.</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.</p>		<p>1.000.000 đồng.</p> <p>+ Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không có lệ phí.</p> <p>+ Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Không có lệ phí.</p>	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>IV. Lĩnh vực Hóa chất (đã công bố tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>					
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk	1.200.000 đồng/lần thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007.</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		600.000 đồng/lần thẩm định	
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ: 09 Nguyễn Tất Thành, Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	1.200.000 đồng/lần thẩm định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hóa chất ngày 21/11/2007;</li> <li>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		600.000 đồng/lần thẩm định	
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

**B. DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>Lưu thông hàng hóa trong nước (đã công bố tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>					
1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
3	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định là 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;</li> <li>- Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định và lệ phí bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu tại khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá;</li> <li>- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 của Bộ Công Thương;</li> <li>- Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15/11/2019 của Bộ Công Thương;</li> </ul>
5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá				
6	Cấp lại giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá				
7	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ.</li> </ul>
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	<p>+ Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	1.100.000 đồng/lần thẩm định/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia;</li> <li>- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG,**  
**UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_/6/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**A. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Thương mại (đã công bố tại Quyết định số 2499/QĐ-UBND ngày 08/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>		
1	Cấp Giấy phép kinh doanh tại chợ cho thương nhân của nước có chung biên giới	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại trong nước	
3	Đăng ký lại hoạt động nhượng quyền thương mại trong nước khi chuyển địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh khác	

**B. DANH MỤC TTHC BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN (đã công bố tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước (đã công bố tại Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)</b>		
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	